

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 61/2023/HSST

Ngày: 03/6/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Quế;

Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Ông An Bắc Lùng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2023/HSST ngày 03 tháng 3 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2023/QĐXXST – HS ngày 23 tháng 5 năm 2023, đối với bị cáo:

Điều T, sinh năm 1996, tại tỉnh Bình Phước.

Căn cước công dân số: 0700965011XXX .

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: M'ông; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Điều B và bà Thị T; bị cáo có vợ và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày XX/5/2022 cho đến ngày XX/6/2022 được áp dụng biện pháp bảo lãnh, (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Điều T: Ông Nguyễn Ghi Khâm - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Bình Phước (có mặt).

- Bị hại:

1. Nông Thị S, (đã chết)

2. Lương Thu L, (đã chết)

- Người đại diện theo pháp luật của bị hại: Chị Lương Thị Thu H, sinh năm 2004, (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn dân sự: Ông Trần Đình T, sinh năm 1979, (có mặt).

Địa chỉ: Khu X, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 40 phút ngày 09/5/2022, Điều T tự điều khiển xe ô tô tải loại (xe ben), biển số 60C - 099.XX (xe đang có đất trên thùng xe), trong tình trạng đã sử dụng rượu bia, có nồng độ cồn 0,095mg/L và không có Giấy phép lái xe theo quy định, Điều T lúi xe trên đường liên thôn thuộc thôn Đăk Xuyên xã Đăk Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Do T không chú ý quan sát, xử lý tình huống kém nên xe ô tô do T điều khiển đã va chạm với xe mô tô biển số 93L1 - 357.XX do bà Nông Thị S điều khiển chở theo cháu Lương Thu L ngồi sau đang đi cùng chiều phía sau, gây ra tai nạn giao thông, dẫn tới hậu quả bà S và cháu L tử vong tại chỗ, xe mô tô bị hư hỏng nhẹ.

- Tại Kết luận giám định pháp y về tử thi số: 151/KL(PY)/KTHS ngày 16/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Bình Phước, Kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

1.1 Tử thi Lương Thu L, sinh năm 2014:

- Đa vết thương phần mềm dạng chèn ép qua người;
- Gãy vỡ đa xương;
- Giập hoàn toàn tổ chức não.

1.2 Tử thi Nông Thị S, sinh năm: 1978:

- Đa vết thương phần mềm dạng chèn ép qua người;
- Gãy đa xương;
- Giập rách tim, phổi và vỡ gan.

2. Nguyên nhân chết:

2.1. Lương Thu L, sinh năm 2014 bị ngoại lực tác động dạng chèn ép qua người gây đa chấn thương gãy xương, giập não dẫn đến tử vong.

2.2. Nông Thị S, sinh năm 1978 bị ngoại lực tác động dạng chèn ép qua người gây đa chấn thương gãy xương, giập vỡ đa tạng dẫn đến tử vong.

- Tại Báo cáo số: 81/ĐK93.01S ngày 19/11/2022 của Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 93.01S tỉnh Bình Phước về kết quả kiểm tra xe ô tô biển số 60C - 099.XX, như sau: Trước tai nạn và sau tai nạn: Tại thời điểm kiểm tra xe ô tô biển số 60C - 099.XX đã hết niên hạn sử dụng và có các khiếm khuyết hư hỏng chính như sau:

- + Số máy không đúng hồ sơ phương tiện.
- + Cụm đèn tín hiệu sau không hoạt động.
- + Hệ thống phanh chính: Khi tiến hành thử phanh thấy vết phanh bánh xe trục 2, 3 bên trái và trục 2 bên phải để lại trên đường chứng tỏ phanh vẫn có hiệu lực, còn trục 1 và trục 3 bên phải khi phanh không thấy vết phanh để lại trên đường chứng tỏ phanh có hiệu lực rất thấp. Như vậy, hệ thống phanh chính có hiệu quả thấp. Phanh tay: Vẫn còn hiệu lực.

Kết luận: Tại thời điểm xảy ra tai nạn, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho xe ô tô biển số 60C - 099.XX đã hết hiệu lực và hết niên hạn sử dụng vào ngày 31.12.2020, nhưng xe ô tô biển số 60C-099.XX vẫn tham gia giao thông. Với những khiếm khuyết hư hỏng trên đây có thể Kết luận:

Xe ô tô biển số 60C - 099.XX trước và sau tai nạn không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

- Về vật chứng vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý:

+ Trả lại xe mô tô biển số 93L1 - 357.XX cho đại diện của các bị hại là chị Lương Thị Thu H.

+ 01 xe ô tô tải loại tự đổ, biển số: 60C - 099.XX, Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 04/2023/QĐ-CA ngày 02/6/2023 trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Trần Đình T.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị cáo và Bị đơn dân sự đã bồi thường cho chị Lương Thị Thu H là đại diện cho bị hại tổng cộng 550.000.000 đồng (trong đó bị cáo có 350.000.000 đồng, còn 200.000.000 đồng là của Bị đơn dân sự). Đại diện theo pháp luật của bị hại không có yêu cầu gì thêm.

+ Chị Lương Thị Thu H là con ruột và chị ruột của những người bị hại từ chối định giá thiệt hại xe mô tô và đã nhận lại xe mô tô biển số: 93L1 - 357.XX, nên không đề cập xử lý.

Tại Cáo trạng số 27/CT – VKS ngày 03/3/2022, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Điều T về Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo điểm a, b, đ khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Điều T phạm Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

Về hình phạt: Áp dụng điểm a, b, đ khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị xử phạt bị cáo Điều T từ 03 đến 04 năm tù.

Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

Bị cáo Điều T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Đại diện theo pháp luật của người bị hại: Xin giảm nhẹ hình phạt thấp nhất có thể cho bị cáo vì bị cáo hiện đang nuôi ba con nhỏ và cha mẹ già.

Người bào chữa cho bị cáo Điều T trình bày: Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đại diện theo pháp luật của người bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo mức án 03 năm tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng và Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng 13 giờ 40 phút ngày 09/5/2022, Điều T tự điều khiển xe ô tô tải loại (xe ben), biển số: 60C - 099.XX trong tình trạng đã sử dụng rượu bia, có nồng độ cồn 0,095mg/L và không có Giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe lùi không quan sát, xử lý tình huống kém, không đảm bảo an toàn gây ra tai nạn với xe mô tô biển số: 93L1 - 357.XX do bà Nông Thị S điều khiển chở theo cháu Lương Thu L đang đi cùng chiều phía sau gây tai nạn.

Hậu quả bà Nông Thị S và cháu Lương Thu L tử vong tại chỗ.

Như vậy, hành vi của bị cáo Điều T đã vi phạm vào khoản 1 Điều 16 Luật giao thông đường bộ

Điều 16. Luật giao thông đường bộ

“1. Khi lùi xe, người điều khiển phương tiện phải quan sát phía sau, có tín hiệu cần thiết và chỉ khi nào thấy không nguy hiểm mới được lùi...”

Với hậu quả bà Nông Thị S và cháu Lương Thu L bị tử vong nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ quy định tại điểm a, b, đ khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định;

b) Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định hoặc có sử dụng chất ma túy hoặc các chất kích thích mạnh khác mà pháp luật cấm sử dụng;

đ) Làm chết 02 người;

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Như vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố hai bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng do ý thức chấp hành giao thông kém, chủ quan, cầu thả nên đã vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, gây hậu quả rất nghiêm trọng khiến bà Nông Thị S và cháu Lương Thu L tử vong, gây đau thương, mất mát lớn cho gia đình bị hại.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo cùng với bị đơn dân sự đã bồi thường khắc phục hậu quả theo yêu cầu của đại diện gia đình người bị hại, đại diện theo pháp luật của người bị hại làm đơn bãi nại và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do bị cáo là lao động chính, lao động duy nhất trong gia đình, đang phải nuôi cha mẹ và vợ con; sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, bị cáo có 03 con nhỏ; hiện bị cáo là lao động chính, lao động duy nhất trong gia đình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo và tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, bị cáo phạm tội lần đầu với lỗi vô ý, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 260 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm. Tuy nhiên, xét thấy hành vi của bị cáo là do chủ quan, câu thả, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Nhằm tạo điều kiện cho bị cáo làm việc để khắc phục hậu quả, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

Đối với xe mô tô biển số 93L1 - 357.XX đã trả lại cho đại diện của các bị hại là chị Lương Thị Thu H.

Đối với 01 xe ô tô tải loại tự đổ, biển số: 60C - 099.XX Toàn án nhân dân huyện Bù Đăng đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 04/2023/QĐ-CA ngày 02/6/2023 trả lại cho chủ sở hữu ông Trần Đình T.

Các phương tiện đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện theo pháp luật của bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường, các chi phí hợp lý và làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cũng không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Điều T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với hành vi điều động xe không đảm bảo điều kiện an toàn kỹ thuật và sử dụng của ông Trần Đình T. Căn cứ Điều 264 Bộ luật Tố tụng hình sự. Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng, xem xét trách nhiệm của ông

Trần Đình T trong việc điều động xe ô tô không đủ điều kiện an toàn kỹ thuật vào sử dụng.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Điều T: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo mức án 03 năm tù cho hưởng án treo. Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây hậu quả rất nghiêm trọng, gây đau thương mất mát cho gia đình bị hại, bị hại có 03 tình tiết tăng nặng định khung. Mặc dù áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng vẫn cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Do đó, đề nghị của người bào chữa cho bị cáo là không phù hợp, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là có phần nghiêm khắc so với hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Điều T phạm Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

Về hình phạt: Áp dụng điểm a, b, đ khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Điều T 02 năm tù (hai năm tù). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/5/2022 đến ngày 13/6/2022.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Điều T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, đại diện theo pháp luật của người bị hại, bị đơn dân sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước.
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Thanh

